

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên: ; **Giảng viên thỉnh giảng:**

Ngành: Sức khoẻ; Chuyên ngành: Nội tiêu hoá

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký: THÁI DOÃN KỲ**

**2. Ngày tháng năm sinh:** 10/10/1978 Nam, Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** Diễn Hoa- Diễn Châu- Nghệ An

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** P608 CT2 ĐN2 Khu Đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

**6. Địa chỉ liên hệ: Thái Doãn Kỳ**

- Khoa Điều trị Bệnh ống tiêu hoá, Bệnh viện TƯQĐ 108, Số 1 Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại di động: 0988 702 088; E-mail: kythaitrung@gmail.com

**7. Quá trình công tác:**

- Từ tháng 10 năm 2003 đến tháng 10 năm 2006: Bác sĩ Nội trú, Bệnh viện 103, Học viện Quân y.

- Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 11 năm 2007: Bác sĩ công tác tuyển tại Quân đoàn 3- Tây Nguyên.

- Từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 6 năm 2011: Bác sĩ điều trị Khoa Nội tiêu hoá, Bệnh viện TƯQĐ 108. Trong thời gian này đi học thực tập sinh lâm sàng tại Bệnh viện Đại học Chung Ang, Hàn Quốc (tháng 4 năm 2010 đến tháng 10 năm 2010) và học lớp chuyên khoa định hướng chuyên ngành ung thư tại Bệnh viện K Trung ương.

- Từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 6 năm 2015: Bác sĩ lâm sàng tại Khoa Huyết học lâm sàng và ung bướu, Bệnh viện TƯQĐ 108. Trong thời gian này đi thực tập sinh tại Bệnh viện Đại học Nagoya Nhật Bản (tháng 12 năm 2014 đến tháng 1 năm 2015). Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nội tiêu hoá tại Viện Nghiên cứu Khoa học Y dược lâm sàng 108 (từ 2011 đến 2015).

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 4 năm 2019: Bác sỹ điều trị, Khoa Nội tiêu hoá, Bệnh viện TỰQĐ 108.

- Từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 6 năm 2024: Phó chủ nhiệm Khoa Điều trị Bệnh ống tiêu hoá, Viện Điều trị các Bệnh tiêu hoá, Bệnh viện TỰQĐ 108.

- Từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025: Chủ nhiệm Khoa Điều trị Bệnh ống tiêu hoá, Phó viện trưởng Viện Điều trị các Bệnh tiêu hoá, Bệnh viện TỰQĐ 108.

- Từ tháng 4 năm 2025 đến nay: Chủ nhiệm Khoa điều trị Bệnh ống tiêu hoá, Viện trưởng Viện Điều trị các Bệnh tiêu hoá, Bệnh viện TỰQĐ 108

**Chức vụ hiện nay:** Chủ nhiệm Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng Viện Điều trị Các Bệnh tiêu hoá, Bệnh viện TỰQĐ 108.

**Cơ quan công tác hiện nay:** Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

**Địa chỉ cơ quan:** Số 1 Đường Trần Hưng Đạo, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Điện thoại cơ quan:** 0971.830.166

**Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:** Viện NCKH y dược lâm sàng 108, Học viện Quân Y, Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Vinuniversity.

**8. Đã nghỉ hưu:** chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Viện NCKH y dược lâm sàng 108, Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Vinuniversity.

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 06 tháng 10 năm 2003; số văn bằng: B 466711; ngành: Y đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Học viện Quân y.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 4 năm 2007; số văn bằng: 06-0794; ngành: Y học; chuyên ngành: Nội chung; Nơi cấp bằng ThS: Học viện Quân Y.

- Được cấp bằng CK cấp I ngày 8 tháng 2 năm 2007; số văn bằng 06-1475, ngành Y chuyên ngành nội chung; Nơi cấp bằng CKI: Học viện Quân Y.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 5 năm 2016; số văn bằng: 005880; ngành: Y; chuyên ngành: Nội tiêu hoá; Nơi cấp bằng TS: Viện Nghiên cứu Khoa học Y dược Lâm sàng 108.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** Chưa

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Viện Nghiên Cứu Khoa Học Y dược Lâm Sàng 108.**

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học**

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Chẩn đoán và điều trị ung thư gan.

- Điều trị xơ gan và các bệnh lý ống tiêu hóa.

- Ứng dụng các kỹ thuật nội soi tiêu hóa tiên tiến trong chẩn đoán điều trị bệnh lý tiêu hóa.

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn phụ 01 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sỹ và đang hướng dẫn chính 01 NCS chưa bảo vệ.

- Đã hướng dẫn 16 học viên cao học/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: 02 Cấp nhà nước; trong đó 1 đề tài làm chủ nhiệm và 1 đề tài tham gia.

- Đã công bố 70 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

15. **Khen thưởng** (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Giải thưởng Hồ Chí Minh về KHCN năm 2017; nhiều bằng khen giấy khen về công tác giáo dục đào tạo.

16. **Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Là giảng viên thỉnh giảng của **Viện NCKH y dược lâm sàng 108, Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Vinuniversity**: tôi đã và đang tham gia giảng dạy lý thuyết và thực hành cho các đối tượng đại học và sau đại học: Bác sĩ, bác sĩ Nội trú, Cao học, bác sỹ chuyên khoa và nghiên cứu sinh. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn chấp hành đầy đủ các nội quy, quy chế và những quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Bộ Quốc Phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở đào tạo.

### 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020		01	02			90	90/135/135
2	2020-2021		01	02			90	90/160/135
3	2021-2022		01	01			90	90/185/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023			04			90	90/476/135
5	2023-2024			04		21	111	111/472/135
6	2024-2025	01		03		10	100	100/382/135

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

## 3. Ngoại ngữ

### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

**3.2. Tiếng Anh** (văn bằng, chứng chỉ): B2 Khung tham chiếu châu Âu (2013,2015), Chứng nhận tiếng Anh phiên dịch do trường ĐH Hà Nội cấp ngày 29/5/2014.

**4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Minh		Cao học	x		2018-2019	Học viện Quân Y	12/12/2020 HVQY
2	Vũ Văn Sơn		Cao học	x		2018-2019	Học viện Quân Y	12/12/2020 HVQY
3	Nguyễn Đức Ninh		CK2	x		2020-2021	Học viện Quân Y	28/2/2022 ĐH Y Hà Nội
4	Đông Đức Hoàng	NCS			x	2018-2022	Viện NCKHYDL S 108	15/3/2023 Viện NCKHYDLS 108
5	Đinh Thị Ngà		Cao học	x		2020-2021	Học viện Quân Y	30/12/2021 HVQY
6	Lưu Tuấn Thành		BSNT	x		2021-2022	ĐHY Hà Nội	8/3/2022 ĐH Y Hà Nội
7	Nguyễn Huy Tân		Cao học	x		2022-2023	ĐH Y Hà Nội	16/1/2023 ĐHY Hà Nội
8	Khổng Thị Chiên		BSNT	x		2022-2023	ĐH Y Hà Nội	28/12/2023 ĐH Y Hà Nội
9	Phạm Thế Hùng		BSNT	x		2022-2023	ĐH Y Hà Nội	6/1/2023- ĐHY Hà Nội
10	Nguyễn Thị Huyền Trang		Cao học	x		2022-2023	Học Viện Quân Y	26/9/2023 HVQY
11	Trương Văn Phong		Cao học	x		2023-2024	ĐH Y Hà Nội	29/12/2023 ĐH Y Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
12	Nguyễn Thị Thanh Tâm		BSNT	x		2023-2024	ĐH Y Hà Nội	28/12/2023 ĐH Y Hà Nội
13	Nguyễn Tiến Thăng		Cao học	x		2023-2024	Học Viện Quân Y	26/9/2024 HVQY
14	Vũ Văn Sơn		CK2	x		2023-2024	Học Viện Quân Y	26/9/2024 HVQY
15	Nguyễn Thị Nghĩa		Cao học	x		2024-2025	ĐH Y Hà Nội	18/2/2025 ĐH Y Hà Nội
16	Bùi Hoàng Nghĩa		Cao học	x		2024-2025	ĐH Y Hà Nội	18/2/2025 ĐH Y Hà Nội
17	Dương Thị Tuyết		Cao học	x		2024-2025	ĐH Y Hà Nội	18/2/2025 ĐH Y Hà Nội

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	<b>Trước khi được công nhận tiến sỹ Y học</b>				
II	<b>Sau khi được công nhận tiến sỹ Y học</b>				
1	Ứng dụng kỹ thuật xạ trị lập thể định vị thân điều trị ung thư biểu mô tế bào gan	Chủ nhiệm đề tài	ĐTĐL-CN-10/19 Quyết định số 2683/QĐ-BKHHCN ngày 17/9/2018	2018-2022	28/12/2022 Đạt Số đăng ký chứng nhận: 2023-66-0783/NS-KQNC
2	Nghiên cứu sử dụng tế bào gốc tự thân điều trị xơ gan mất bù	Tham gia	ĐTĐL-CN-45/15 Quyết định số 3046/QĐ-BKHHCN ngày 30/10/2015	2015-2020	27/3/2020 Đạt Số đăng ký chứng nhận: 2021-66-007/KQNC

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

**7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<b>CÁC BÀI BÁO TIẾNG ANH</b>							
1	Helicobacter pylori infection and gastrointestinal diseases in Vietnam: a cross-sectional, hospital-based study	17		BMC Gastroenterology e-ISSN: 1471-230X	SCIE/Scopus/ Pubmed/ Embase/ DOAJ Q2, H index 99 IF: 2.5 CiteScore: 3.3		Tập 10, số 114 doi: 10.1186/1471-230X-10-114	Năm 2010

2	Arabinoxylan Rice Bran (MGN-3) Enhances the Effects of Interventional Therapies for the Treatment of Hepatocellular Carcinoma: A Three-year Randomized Clinical Trial	11		Anticancer Research ISSN: 0250-7005/ e-ISSN: 1791-7530	SCIE/Scopus/ Pubmed/ Embase Q2, H index: 136. SJR 0.56 IF: 1.6 CiteScore: 4.2		Tập 30, số 12. P5145-5151	Năm 2010
3	Optimisation of quantitative miRNA panels to consolidate the diagnostic surveillance of HBV-related hepatocellular carcinoma	17		PLOS One ISSN: 1932-6203	SCIE/Scopus/ Pubmed/Embase /DOAJ Q1 H-index: 467 IF: 2.9 CiteScore: 5.6		13(4):e0196081. doi:10.1371/journal.pone.0196081.	Năm 2018
4	Combined transarterial chemoembolization and stereotactic body radiation therapy as a bridge therapy to liver transplant for hepatocellular carcinoma	8		Hepatoma Research e-ISSN: 2454-2520	SCIE/Scopus/Embase/CAS Q3 SJR: 0,417 IF: 1,7 H-index: 14 CiteScore: 3.2-3.5		6:49. <u>10.20517/2394-5079.2020.39</u>	Năm 2020
5	Prognostic Factors of Radiofrequency Ablation plus Systemic Chemotherapy for Unresectable Colorectal Cancer with Liver Metastasis	10	X Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	International Journal of Hepatology e-ISSN: 2090-3456	ESCI/Q3 Scopus/ Pubmed/Embase/ DOAJ H-index: 20 JIR: 0,417 IF(5 năm): 1.8 CiteScore: 2.4		<a href="https://doi.org/10.1155/2020/883692">https://doi.org/10.1155/2020/883692</a> <u>2</u>	Năm 2020

6	Efficacy and safety of selective internal radiation therapy with yttrium-90 for the treatment of unresectable hepatocellular carcinoma	9		BMC Gastroenterology e-ISSN:1471-230X	SCIE/Scopus/ Pubmed/Embase /DOAJ Q2, H index 99 IF: 2.5 CiteScore: 3.3		21(1):216. doi: 10.1186/s12876-021-01805-6.	Năm 2021
7	Vietnam Association of Gastroenterology (VNAGE) consensus on the management of Helicobacter pylori infection	32		Frontiers in Medicine e-ISSN: 2296-858X	SCIE/Scopus/ Pumed/DOAJ Q1, JIR: 0,91 IF (5 năm): 3.4 H-index 86 CiteScore:6.0		12:9:1065045. doi: 10.3389/fmed.2022.1065045.	Năm 2021
8	Predictive Significance of the ABC Score for Early Re-Hemorrhage and In-Hospital Mortality in High-Risk Variceal Bleeding among Cirrhotic Patients	3	X Tác giả đứng đầu	Diagnostics e-ISSN: 2075-4418	SCIE/Scopus/ Pubmed/Embase /DOAJ/ CAPlus Q1 IF(5 năm): 3.3 SJR: 0,67 H-index: 81 CiteScore:5.9		13(23):3570. doi: <a href="https://doi.org/10.3390/diagnostics13233570">10.3390/diagnostics13233570</a>	Năm 2023
9	Rare Cause of Gastrointestinal Bleeding: A Case Report of Pancreatic Arteriovenous Malformation	9	X Tác giả liên hệ	American Journal of Case Reports e-ISSN: 1941-5923	ESCI/Scopus/ Pubmed/EMBASE Q3/Q2 IF: 0.7 H-index: 29 CiteScore: 1.4		Tập 24- e941638	Năm 2023
10	Coinfection of cytomegalovirus and strongyloidiasis presenting as massive gastrointestinal bleeding in an immunocompromised host: a case report	10	X Tác giả liên hệ	Frontiers in Medicine e-ISSN: 2296-858X	SCIE/Scopus/ Pumed/DOAJ Q1, JIR: 0,91 IF (5 năm): 3.4 H-index 86 CiteScore:6.0		11:1438689. doi: 10.3389/fmed.2024.1438689. eCollection 2024.	Năm 2024

11	Nonadherence to oral cancer chemotherapy in hepatocellular carcinoma: prevalence and predictive factors in Vietnam	4	X Tác giả đứng đầu	BMC Cancer ISSN: 1471-2407	SCI/Scopus/ EMBASE/CAS/ Pubmed Q2 IF:3.4 H-index: 160 CiteScore: 6.7	24:481 <a href="https://doi.org/10.1186/s12885-024-12601-2">https://doi.org/10.1186/s12885-024-12601-2</a>	Năm 2024
12	Long-term survival and prognostic factors of Stereotatic Body Radiotherapy following Transarterial Chemoembolization for Hepatocellular Carcinoma	8	X Tác giả liên hệ	Cancer Reports ISSN: 2573-8348	ESCI/Scopus/ Pubmed/EMBASE/DOAJ Q2 IF 1.5 H-index 18 CiteScore: 1.5	8:270212 <a href="https://doi.org/10.1002/cnr.270212">https://doi.org/10.1002/cnr.270212</a>	Năm 2025
II	<b>CÁC BÀI BÁO TIẾNG VIỆT</b>						
13	Nghiên cứu đặc điểm tổn thương dạ dày tá tràng ở bệnh nhân bông nặng thời kỳ nhiễm độc nhiễm khuẩn	2	X Tác giả liên hệ	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748		Số 33, trang 64-67	Năm 2008
14	Xây dựng đường chuẩn để định lượng nồng độ DNA lưu hành tự do (FCGSTP1) trong huyết tương và giá trị GSTP1 trong chẩn đoán ung thư gan trên bệnh nhân nhiễm HBV	6		Tạp chí Y dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 4, số 1, trang 106-112	Năm 2009
15	Cắt hút niêm mạc và cắt bỏ hạ niêm mạc qua nội soi	1	X Tác giả duy nhất	Tạp chí Tiêu hoá Việt Nam		Số 23, trang 1521-1531	Năm 2011

16	Hoại tử hoàn toàn khối u gan sau 2 tuần điều trị bằng phương pháp hoá tắc mạch với vi nang cầu ở bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan không còn chỉ định phẫu thuật	7		Tạp chí tiêu hoá Việt Nam			Tập 6, số 24 Trang 1643-1646	Năm 2011
17	Hiệu quả và độ an toàn của phương pháp tắc mạch hoá dầu kết hợp đốt nhiệt sóng cao tần trong điều trị 121 bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan kích thước trên 3cm	10		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 383 số 1 Trang 66-69	Năm 2011
18	Kết quả bước đầu và độ an toàn của sinh thiết huyết khối tĩnh mạch cửa qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	6		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 7, số đặc biệt T7/2012 Trang 107-111	Năm 2012
19	Điều trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng phương pháp tắc mạch xạ trị: báo cáo 2 ca lâm sàng đầu tiên	9		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 8, số đặc biệt tháng 12/2013 Tang 8-15	Năm 2013
20	Kết quả bước đầu điều trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng phương pháp hoá tắc mạch với hạt vi nang tải hoá chất	12	X Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 8, Số đặc biệt Trang 39-46	Năm 2013

21	Đáp ứng sớm khối u và AFP huyết thanh sau can thiệp dự báo tích cực sống thêm lâu dài của các bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan được điều trị bằng phương pháp hoá tắc mạch DC Beads	4	X Tác giả đầu, Tác giả liên hệ	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 431, số 2 Trang 77-82	Năm 2015
22	Kết quả sống thêm lâu dài ở bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan được điều trị bằng phương pháp hoá tắc mạch với hạt vi cầu tải hoá chất	4	X Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y dược học quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 40, Số chuyên đề tiêu hoá Trang 57-65	Năm 2015
23	Giá trị của chụp xạ hình với Tc-99m gắn hồng cầu trong chẩn đoán chảy máu ruột non	7		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 40, Số chuyên đề tiêu hoá Trang 85-91	Năm 2015
24	Kết quả bước đầu điều trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng phương pháp tắc mạch xạ trị Yttrium-90	6		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 40, Số chuyên đề tiêu hoá Trang 43-50	Năm 2015
25	Kết quả điều trị u mạch máu gan thể hang bằng phương pháp tắc mạch qua đường động mạch	4		Tạp chí Y dược học quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 40, Số chuyên đề tiêu hoá Trang 32-37	Năm 2015
26	Những tiến bộ trong chẩn đoán hình ảnh ung thư biểu mô tế bào gan	1	X Tác giả duy nhất	Tạp chí Tiêu hóa Việt Nam			Số 38 Trang 2433-2439	Năm 2015

27	Kết quả đặt stent kim loại tự giãn nở trong điều trị hẹp tắc đường mật cơ học	8		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 10, số đặc biệt Trang 239-245	Năm 2015
28	Đánh giá hiệu quả và độ an toàn kỹ thuật đặt stent thực quản cho bệnh nhân ung thư thực quản không còn chỉ định phẫu thuật	9		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 10, số đặc biệt Trang 246-251	Năm 2015
29	Những tiến bộ hiện nay trong điều trị ung thư biểu mô tế bào gan	1	X Tác giả duy nhất	Tạp chí tiêu hoá Việt Nam			Số 40 Trang 2535-2540	Năm 2015
30	Kết quả điều trị ung thư gan thứ phát di căn từ ung thư đại trực tràng bằng đốt nhiệt sóng cao tần kết hợp hóa chất toàn thân	5		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 11, số đặc biệt tháng 11/2016.	Năm 2016
31	Kết quả nghiên cứu bước đầu sử dụng tế bào gốc tủy xương tự thân trong điều trị xơ gan mất bù do virus viêm gan B	10		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			<u>Tập 13 - Số 7/2018</u> Trang 109-115	Năm 2018
32	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và mô bệnh học huyết khối tĩnh mạch cửa ở bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan	9		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tạp chí số chuyên đề Hội nghị Quân Y Việt Lào lần thứ 6 Trang 58-68	Năm 2019

33	Kết quả điều trị ung thư biểu mô tế bào gan không còn chỉ định phẫu thuật bằng phương pháp tắc mạch xạ trị với hạt vi cầu gắn Yttrium-90	13		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			<u>Tập 14 - Số 4/2019</u> Trang 41-49	Năm 2019
34	Correlation of hepatic venous pressure gradient with varices, bleeding, ascites and Child's status in patients with Hepatitis B virus-related decompesated liver cirrhosis	6		Journal of 108-Clinical Medicine and Pharmacy			<u>Tập 14 - Số tiếng Anh 11/2019</u> Trang 17-22	Năm 2019
35	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân xơ gan tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	10		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 15 - Số đặc biệt tháng 11/2020: Hội nghị khoa học Điều dưỡng Bệnh viện TWQĐ 108 năm 2020 Trang 136-141	Năm 2020
36	Thông báo một trường hợp lâm sàng mắc hội chứng Blue Rubber Bleb Nervus	7		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 15- số 2/2020 Trang 69-73	Năm 2020
37	Đánh giá giá trị của nội soi NBI trong chẩn đoán nhiễm khuẩn Helicobacter pylori ở bệnh nhân viêm dạ dày mạn tính	4	X Tác giả đứng đầu	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 16- số 8/2021 Trang 1-8	Năm 2021

38	Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh nội soi chảy máu tiêu hoá do loét dạ dày tá tràng ở bệnh nhân có dùng thuốc chống huyết khối	4		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 16- số 5/2021 Trang 25-31	Năm 2021
39	Báo cáo 3 trường hợp lâm sàng viêm ruột trên bệnh nhân lupus ban đỏ hệ thống	7		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 17 số 7/2022 Trang 98-104	Năm 2022
40	Đánh giá kết quả điều trị viêm đường mật cấp do sỏi ống mật chủ ở bệnh nhân cắt dạ dày theo Billroth II bằng nội soi mật tụy ngược dòng	6		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			<u>Tập 17 - Số 7/2022</u>	Năm 2022
41	Kết quả sớm của phương pháp xạ trị lập thể định vị thân điều trị ung thư biểu mô tế bào gan còn tồn dư sau tắc mạch hóa chất	6		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 17 - Số 3/2022 <a href="https://doi.org/10.52389/ydls.v17i3.1177">https://doi.org/10.52389/ydls.v17i3.1177</a> Trang 8-13	Năm 2022
42	Kết quả sống thêm lâu dài của bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan còn tồn dư sau tắc mạch hoá chất được điều trị bằng xạ trị lập thể định vị thân	6		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 17 - Số 3/2022 <a href="https://doi.org/10.52389/ydls.v17i3.1177">https://doi.org/10.52389/ydls.v17i3.1177</a> Trang 20-25	Năm 2022

43	Tác dụng không mong muốn và biến chứng kỹ thuật của xạ trị lập thể định vị thân trong điều trị ung thư biểu mô tế bào gan còn tồn dư sau tắc mạch hoá chất	6		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 17 - Số 4/2022 <a href="https://doi.org/10.52389/ydls.v17i3.1177">https://doi.org/10.52389/ydls.v17i3.1177</a> Trang 1-5	Năm 2022
44	Khảo sát nồng độ protein phản ứng viêm độ nhạy cao (hs-CRP) ở bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan	4	X Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 17 số đặc biệt 7/2022 Trang 62-67	Năm 2022
45	Kết quả bước đầu xạ trị lập thể định vị thân ở bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan có huyết khối tĩnh mạch cửa tại BV TƯQĐ 108	7		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 17, số đặc biệt Trang 157-164.	Năm 2022
46	Đánh giá kết quả xử trí biến chứng đường mật sau ghép gan qua nội soi mật tụy ngược dòng	10		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 18 - Số 6/2022 Trang 101-15	Năm 2023
47	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân sỏi đường mật tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	4		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 18 - Số 7/2023 Trang 41-46	Năm 2023

48	Đánh giá hiệu quả và an toàn của phương pháp nội soi mật tụy ngược dòng điều trị sỏi đường mật tại Bệnh viện TƯQĐ 108	6	X Tác giả đứng đầu	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 18 - Số 7/2023 Trang 47-52	Năm 2023
49	Khảo sát giá trị tiên lượng của thang điểm ABC ở bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá do loét dạ dày tá tràng	3		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 18 - Số 8/2023 Trang 1-6	Năm 2023
50	Tổn thương mật tụy trong bệnh liên quan đến IgG4: Hai trường hợp lâm sàng	6		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 18 - Số 8/2023 Trang 59-66	Năm 2023
51	Biểu hiện lâm sàng tại ruột và ngoài ruột của bệnh IBD	11		Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 18 - số 3/2023 Trang 96-101	Năm 2023
52	Đánh giá tổng quan điều trị và quản lý bệnh nhân sỏi đường mật tại BVTWQĐ 108	3	X Tác giả đứng đầu	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			<u>Tập 533 Số 1 (2023)</u> Trang 140-144	Năm 2023
53	Mối liên quan giữa kết quả nội soi tăng cường hình ảnh và kết quả mô bệnh học của tổn thương loạn sản và ung thư thực quản tế bào vảy giai đoạn sớm	6	X Tác giả đứng đầu	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 534 số 2, 2024 Trang 136-141	Năm 2024

54	Đánh giá kết quả bước đầu của phương pháp cắt tách hạ niêm mạc qua nội soi (ESD) điều trị polyp đại tràng không cuống kích thước $\geq 2$ cm	4	X Tác giả đứng đầu	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 544, số 2/2024	Năm 2024
55	Ứng dụng phân loại JNET trong chẩn đoán polyp đại trực tràng không cuống kích thước dưới 10mm	8		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 545, số 3/2024	Năm 2024
56	Đánh giá hiệu quả chuẩn bị đại tràng theo phương pháp chia liều so với cùng ngày bằng polyethylene glycol	3		Tạp chí Y dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-1868			Tập 20 số 1/2025 Trang 41-46	Năm 2025
57	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trên bệnh nhân sỏi ống mật chủ có kèm sỏi túi mật	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 546, số 1/2025 Trang 346-350	Năm 2025
58	Đặc điểm thoát vị hoành ở bệnh nhân có trào ngược dạ dày thực quản	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 546, số 1/2025 Trang 375-379	Năm 2025
59	Đặc điểm nội soi, mô bệnh học polyp đại trực tràng không cuống kích thước $\geq 2$ cm	7		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 548 số 3/2025	Năm 2025
60	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nhiễm giun lươn tại Bệnh viện TƯQĐ 108	3	X Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 549 số 2/2025	Năm 2025

61	Đánh giá kết quả bước đầu của phương pháp cắt tách dưới niêm mạc qua nội soi điều trị ung thư biểu mô tế bào vảy thực quản giai đoạn sớm	2	X Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 549 số 2/2025	Năm 2025
62	Ứng dụng thang điểm Ulcerative Colitis Endoscopic Index of Severity (UCEIS) trong đánh giá mức độ bệnh viêm loét đại tràng	3	X Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 549 số 3/2025 Trang 104-107	Năm 2025
63	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và chỉ số khối cơ thất lưng (PMI) ở bệnh nhân xơ gan	3	X Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 20 số 1/2025 Trang 2027	Năm 2025
64	Giá trị của nội soi ánh sáng dải tần hẹp kết hợp phóng đại trong chẩn đoán tổn thương loạn sản độ cao và ung thư dạ dày sớm	2	X Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 20 số 1/2025 Trang 42-52	Năm 2025
65	Đánh giá tác dụng không mong muốn và kết quả chăm sóc điều dưỡng sau can thiệp cắt tách hạ niêm mạc điều trị ung thư thực quản sớm	8	X Tác giả liên hệ	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Vol 66, Special Issue 2/2025 Trang 8-12	Năm 2025

66	Vai trò của stent tụy trong dự phòng biến chứng viêm tụy cấp sau ERCP khi có sự tác động vào ống tụy	7	X Tác giả đứng đầu	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 20 số 2/2025 Trang 24-30	Năm 2025
67	Đặc điểm và kết quả chăm sóc người bệnh ung thư gan điều trị tại Bệnh viện TƯQĐ 108	8	X Tác giả liên hệ	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Vol 66, Special Issue 4/2025 Trang 32-37	Năm 2025
68	Lựa chọn bệnh nhân giãn ống tụy điều trị nội khoa bằng nội soi mật tụy ngược dòng dựa trên đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 550 số 1 năm 2025 Trang 175-179	Năm 2025
69	Tỷ lệ tử vong nội viện và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân cao tuổi bị xuất huyết tiêu hoá trên do loét dạ dày tá tràng	3	Tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 550 số 3 năm 2025 Trang 179-183	Năm 2025
70	Đánh giá độ an toàn và tỷ lệ đáp ứng điều trị thuốc sinh học ở bệnh nhân viêm ruột mạn tại Bệnh viện TƯQĐ 108	3	X Tác giả đứng đầu	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, ISSN: 1859-2872			Tập 20 số 3/2025	Năm 2025

- Trước tiến sĩ: 19 bài và sau tiến sĩ: 52 bài. Có 12 bài đăng trên các tạp chí quốc tế (ứng viên đứng tên chính 5 bài).

**7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích**

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

**7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)**

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế:**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS):

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH**

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thái Doãn Kỳ**